

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 89/2000/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2000

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Nghị định 49/1999/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

Thi hành Nghị định số 49/1999/NĐ-CP ngày 08/07/1999 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể như sau:

I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1- Vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán là những hành vi của cá nhân hoặc tổ chức đã cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy tắc quản lý Nhà nước về kế toán nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của pháp luật, phải bị xử phạt hành chính. Tùy theo mức độ hành vi vi phạm và thiệt hại do hành vi đó gây ra để xử phạt hành chính, kể cả hình thức phạt bổ sung và các biện pháp khác xét thấy cần thiết.

2- Đối tượng xử phạt và phạm vi áp dụng

a- Công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra trong lĩnh vực kế toán và phải bị xử phạt theo qui định tại Nghị định 49/1999/NĐ-CP ngày 08/07/1999 của Chính phủ và theo hướng dẫn tại Thông tư này.

b- Các đơn vị, tổ chức trong hệ thống thu, chi ngân sách Nhà nước và kinh phí đoàn thể; các tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và các hộ kinh doanh cá thể (dưới đây gọi tắt là tổ chức) phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi vi phạm hành chính do tổ chức mình gây ra trong lĩnh vực kế toán và phải bị xử phạt theo quy định tại Nghị định 49/1999/NĐ-CP ngày 08/07/1999 của Chính phủ và theo hướng dẫn tại Thông tư này.

c- Cá nhân và tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, thuộc đối tượng phải thực hiện công tác kế toán theo luật định của Việt Nam, nếu có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán quy định tại Chương II Nghị định 49/1999/NĐ-CP thì bị xử phạt như đối

với công dân, tổ chức Việt Nam đã nêu trên. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì thực hiện theo điều ước đã ký.

3 - Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

Việc xử lý vi phạm hành chính phải do người có thẩm quyền xử phạt theo hướng dẫn tại Phần III của Thông tư này, theo nguyên tắc:

a- Hành vi vi phạm do cá nhân gây ra thì xử phạt cá nhân;

b- Hành vi vi phạm do tổ chức gây ra thì xử phạt tổ chức.

Tổ chức bị xử phạt phải thi hành quyết định xử phạt, đồng thời tiến hành xác định lỗi của từng cá nhân trực tiếp gây ra vi phạm hành chính đó để xử lý kỷ luật và trách nhiệm vật chất.

c- Một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán chỉ bị xử phạt một lần; mỗi tổ chức hoặc cá nhân có nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm; nhiều cá nhân cùng có một hành vi vi phạm hành chính thì từng cá nhân vi phạm đều bị xử phạt;

d- Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán khi phát hiện phải bị đình chỉ ngay và phải được xử lý công minh kịp thời, đúng thủ tục và nguyên tắc xử phạt đồng thời có biện pháp khắc phục hậu quả thích hợp;

e- Không xử phạt hành chính trong các trường hợp: Người vi phạm được giám định pháp y xác định là mắc bệnh tâm thần, mất khả năng nhận biết, không tự điều chỉnh được hành vi của mình trong thời gian xảy ra vi phạm.

4 - Thời hiệu xử phạt

a- Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán là 2 năm kể từ ngày vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán được thực hiện;

b- Trường hợp vi phạm bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự nhưng có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án của các cấp có thẩm quyền, thì bị xử phạt hành chính đối với hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán đối với những trường hợp trên là 3 tháng kể từ ngày có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án;

c- Trường hợp cá nhân hoặc tổ chức tiếp tục có hành vi vi phạm trong thời hiệu xử phạt hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu xử phạt trên.

5 - Trường hợp không xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế toán

a- Không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán nếu quá thời hiệu quy định tại Mục

4 - Phần I - Thông tư này mới phát hiện ra hành vi vi phạm;

b- Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán có dấu hiệu phạm tội theo quy định của pháp luật, mà cơ quan chính quyền địa phương hoặc cơ quan thanh tra tài chính đã chuyển hồ sơ đến cơ quan thẩm quyền giải quyết;

c- Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán nếu dẫn đến việc trốn, lậu thuế thì phải xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo quy định hiện hành;

d- Người vi phạm là người mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh cá biệt khác làm mất khả năng nhận thức hoặc mất khả năng tự điều chỉnh hành vi của mình;

e- Công dân chưa đủ 18 tuổi, nếu có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thì áp dụng xử phạt theo Điều 6 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06/07/1995;

f- Do các sự kiện bất ngờ, tình thế khẩn cấp, thiên tai địch họa gây ra mà cá nhân, tổ chức không thể biết trước hoặc buộc phải hành động để ngăn chặn nguy cơ thực tế gây ra tổn hại tới lợi ích chung.

6 - Hình thức xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế toán

Mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, cá nhân, tổ chức phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

Cảnh cáo;

Phạt tiền.

Ngoài ra, tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khác, như: tịch thu tang vật vi phạm, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

7 - Tình tiết giảm nhẹ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

Cá nhân, tổ chức đã có hành động:

a- Ngăn chặn làm giảm bớt tác hại của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

b- Vi phạm trong hoàn cảnh bị ép buộc, đặc biệt khó khăn hoặc bất khả kháng.

8 - Tình tiết tăng nặng xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

Cá nhân, tổ chức đã có hành động:

a- Vi phạm có tổ chức;

b- Vi phạm nhiều lần, có hệ thống hoặc tái phạm trong thời hiệu chịu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán;

c- Xúi giục, lôi kéo, ép buộc người phụ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần để vi phạm;

d- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm;

- e- Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai hoặc khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm;
- f- Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính.

9 - Căn cứ để kết luận hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, quyết định hình thức xử phạt và mức phạt

- a- Các quy định tại Chương II về các hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và mức xử phạt tại Nghị định 49/1999/NĐ-CP ngày 08/07/1999 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này.
- b- Các văn bản quy phạm pháp luật về kế toán hiện hành của Việt Nam, như Pháp lệnh Kế toán và Thống kê, Điều lệ Tổ chức Kế toán Nhà nước và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành do Bộ Tài chính ban hành hoặc thỏa thuận cho cơ quan có thẩm quyền ban hành.

II - CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KẾ TOÁN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT

Căn cứ vào quy định tại Chương II - Nghị định 49/1999/NĐ-CP, các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và mức xử phạt cụ thể, như sau:

1 - Vi phạm về thẩm quyền ban hành và áp dụng chế độ kế toán

1.1- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 5.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 10.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

- a- Thực hiện không đúng các quy định của Nhà nước về thẩm quyền ban hành chế độ chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài khoản kế toán và báo cáo tài chính hoặc những nguyên tắc quy định về chế độ kế toán;
- b- Yêu cầu, quy định, hướng dẫn cấp dưới phải thực hiện các chứng từ kế toán, sổ kế toán, hệ thống tài khoản, biểu mẫu báo cáo tài chính sai với quy định của pháp luật hiện hành về kế toán;
- c- Không đăng ký chế độ kế toán hoặc đăng ký chế độ kế toán chậm hơn thời hạn quy định hiện hành đối với các đơn vị phải đăng ký chế độ kế toán theo quy định, trừ trường hợp được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản cho phép kéo dài thời hạn đăng ký chế độ kế toán;
- d- Sửa đổi chứng từ kế toán, sửa đổi sổ kế toán, sửa đổi báo cáo tài chính, mở thêm tài khoản hoặc thay đổi phương pháp hạch toán khi chưa được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định.

1.2- Đối với những hành vi vi phạm tại các điểm a, b và d nêu trên thì bắt buộc đơn vị bị phạt thực hiện đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành và áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật vi phạm hành chính.

2 - Vi phạm nguyên tắc sử dụng chứng từ kế toán và tài khoản kế toán

2.1- Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 3.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt đến 5.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

- a- Không tuân thủ nguyên tắc ghi chép chứng từ kế toán, kể cả chế độ chứng từ điện tử trong việc phản ánh các hoạt động kinh tế, tài chính phát sinh trên chứng từ kế toán;
- b- Sử dụng các hoá đơn, chứng từ kế toán không đúng quy định của Bộ Tài chính hoặc không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, kể cả việc ghi sai nội dung kinh tế trên hoá đơn, chứng từ; sử dụng hoá đơn, chứng từ giả hoặc hoá đơn, chứng từ hết thời hạn sử dụng; sử dụng mẫu hoá đơn tự in chưa được Bộ Tài chính chấp thuận;
- c- Bán hoá đơn tài chính không chỉ nhưng chưa gây hậu quả nghiêm trọng về mặt kinh tế. Trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng thì phải chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự giải quyết;
- d- Mua hoá đơn tài chính không đúng quy định về việc quản lý hoá đơn, chứng từ của Nhà nước;
- e- Làm mất hoá đơn tài chính hoặc mất chứng từ kế toán không khai báo kịp thời cho các cơ quan quản lý chức năng theo qui định của Nhà nước.

Đối với các hành vi vi phạm tại Điểm b, c, d, e nêu trên, nếu dẫn đến việc trốn, lậu thuế thì phải xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo qui định hiện hành.

2.2- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt đến 10.000.000 đồng nếu vi phạm lần 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cho đối tượng khác sử dụng tài khoản đơn vị để nhận tiền và chuyển tiền vi phạm kỷ luật quản lý tài chính, tiền tệ.

2.3- Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định ở khoản 2.1 nêu trên (trừ trường hợp làm mất hoá đơn).

3 - Giả mạo chứng từ kế toán, sổ kế toán, khai man và báo cáo số liệu kế toán sai sự thật

3.1- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt đến 10.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 15.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

- a- Giả mạo chứng từ kế toán, sổ kế toán: lập chứng từ không; lập sai với nội dung nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh; giả mạo chữ ký, con dấu; ghi sổ không có chứng từ kế toán chứng minh; lập hai hệ thống sổ kế toán có nội dung ghi khác nhau;